TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ,** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Dũng.

2/ Ông Nguyễn Văn Tám.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1998. (Có mặt)
Địa chỉ: ấp MQ, xã HMP, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí B**, sinh năm 1996. (Có mặt)
Địa chỉ: ấp MQ, xã HMP, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Chị và anh Nguyễn Chí B kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ khoảng tháng 5/2024 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn anh B. Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Â, sinh ngày 01/5/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; Tài sản chung: Có 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 63D-036.59 do anh B đứng tên chị đang quản lý sử dụng, trị giá xe khoảng 15.000.000đ, chị tự thoả thuận với anh B và xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như Chị C trình bày là đúng. Anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn rất trầm trọng không thể đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn với Chị C. Con chung anh xin nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, anh không tranh chấp. Nợ chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là "Ly hôn, nuôi con"; Anh B có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Qưới, xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Chí B tự tìm hiểu quen biết rồi kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 20/9/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh chị trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài và tự sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, đã được động viên phân tích hoà giải nhưng Chị C và anh B xác định không còn tình cảm nữa nên không thể đoàn tụ được. Do vậy, chấp nhận cho Chị C và anh B được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Chí Â, sinh ngày 01/5/2020. Chị C và anh B đều có yêu cầu được nuôi con chung, nhưng xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh B nuôi dưỡng ổn định, trẻ

phát triển tốt. Tại toà, anh B trình bày đang gửi con bán trú từ 07 giờ đến 16 giờ và đi làm đảm bảo thu nhập để nuôi con và đang sống chung với cha, mẹ ruột có nhà cửa ổn định đủ điền kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, còn Chị C đi làm công nhân từ 08 giờ 30 phút đến 20 giờ 30 phút mới tan ca, tuy có thu nhập mỗi tháng nhưng không đảm bảo điền kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con bằng anh B. Do vậy, giao con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh B không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh B có tài sản chung là 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 63D-036.59 do anh B đứng tên, hiện Chị C đang quản lý sử dụng, trị giá xe khoảng 15.000.000đ. Tại phiên toà, Chị C xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung này, anh B cũng không có ý kiến gì, nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử định chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C. Cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Chí B.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Chí Â, sinh ngày 01/5/2020 cho anh Nguyễn Chí B nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Kim C.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 600.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015932 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, như vậy trả lại cho Chị C số tiền 300.000đ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè, TG;
- CC THADS huyện Cái Bè, TG;
- UBND xã Hậu Mỹ Phú, CB,TG;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan